

Huyện Ngọc Lặc

(mã số quốc gia: 2709)

Theo quốc lộ 47 tiếp sang Quốc lộ 15 A đi về phía Tây cách tỉnh lỵ 77km đến phố Phố Cổng (thị trấn Ngọc Lặc) tức là huyện lỵ Ngọc Lặc. Từ đây có đường 519 đi sang Cẩm Thủy .
Ngọc Lặc, phía Bắc giáp huyện Cẩm Thủy và huyện Bá Thước, phía Tây và Tây-Nam giáp huyện Lang Chánh, Nam giáp huyện Thường Xuân, Đông giáp huyện Thọ Xuân. Từ miền xuôi lên miền núi, huyện Ngọc Lặc là huyện trung tâm giao lưu của hai miền, có nhiều ưu thế phát triển trên nhiều mặt.
Diện tích tự nhiên: 47.656 ha. Trong đó: đất nông nghiệp 10.261,98 ha; đất lâm nghiệp 14.310,27 ha; đất chuyên dùng 2.401,14 ha; đất ở 966 ha; đất chưa sử dụng 19.716,61 ha (31 - 12 - 1997).
Dân số: 126.342 người (1- 4 - 1999). Nam: 59.613 (47,18%); Nữ: 66.729 (52,82%).
Có 5 xã miền núi cao.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ TÊN GỌI

Quá trình hình thành huyện Ngọc Lặc như sau: thời thuộc Hán là miền đất thuộc huyện Vô Biên. Thời Tùy: là miền đất thuộc huyện Di Phong. Đường: là miền đất thuộc huyện Trường Lâm. Thời Đinh, Lê, Lý: vẫn giữ như thời Đường.
Thời Trần - Hồ: thành lập đơn vị hành chính lấy tên là huyện Nga Lạc thuộc châu Thanh Hoá (huyện Nga Lạc là đất Ngọc Lặc cộng với một phần đất huyện Thọ Xuân).
Thời thuộc Minh: nhập huyện Lỗi Giang vào huyện Ngọc Lặc. Như vậy, huyện Nga Lạc lúc bấy giờ gồm cả Cẩm Thủy ngày nay.
Thời Lê và Nguyễn: là phần đất của huyện Thụy Nguyên, đơn vị tổng Ngọc Lặc thuộc huyện Thụy Nguyên (không còn tên huyện Nga Lạc nữa).
Thành Thái 12 (1900): cắt tổng Ngọc Lặc (Mường Rặc) và các xã Mường thuộc tổng Yên Trường và tổng Quảng Thi (huyện Thụy Nguyên) lập ra châu mới là châu Ngọc Lặc. Châu Ngọc Lặc gồm 4 tổng là Tổng Ngọc (Ngọc Khê), Tổng Vân (Vân Am), Tổng Cốc (Cốc Xá) và Tổng Hạt (Hạt Cao).
Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đổi tên là huyện Ngọc Lặc.
Một số biến đổi hành chính sau 1945:
- Năm 1963 cắt xã Lương Ngọc của huyện Ngọc Lặc nhập vào huyện Thường Xuân (các xã Lương Sơn và Ngọc Phụng ngày nay).
- Năm 1977, ghép hai huyện Ngọc Lặc và Lang Chánh thành huyện Lương Ngọc; năm 1982 lại tách thành hai huyện như trước, lấy lại tên cũ là huyện Ngọc Lặc và huyện Lang Chánh.
Năm 1989, cắt Phố Cổng thuộc xã Ngọc Khê để lập ra thị trấn Ngọc Lặc.
Huyện Lỵ:
Thời pháp thuộc, huyện lỵ đặt ở Phố Châu (nay thuộc xã Minh Sơn).
Từ Cách mạng Tháng Tám 1945, huyện lỵ đặt ở Phố Cổng (xã Ngọc Khê) nay tách ra lập thị trấn Ngọc Lặc.

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, VĂN HOÁ, XÃ HỘI, NÚI SÔNG

1. Núi Miềng: có tên là núi Hàm Long (Hàm Rồng) ở làng Miềng xã Kiên Thọ. Núi ở sát sông Chu tạo ra thác nước chảy nguy hiểm.
Câu ca: Đi bộ đội thì sợ Nổ Nghèo
Đi chống đi chèo thì sợ Hàm Long
2. Núi Bù Hùng: ở xã Phúc Thịnh.
3. Núi Đá Bạc: ở làng Cốc, xã Nguyệt án.
4. Núi Cò Tô: xã Minh Tiến.
5. Cụm núi gắn với Bù Rinh (Chí Linh - huyện Lang Chánh) gồm núi Bù Trèm, núi Bao Hùng, Đồi Đụn, Đồi Nan. Các núi đồi này liên mạch với Bù Rinh, đường đi hiểm trở, nhất là phải qua vùng núi đá có tên là "Voi phục ngựa quỳ", nghĩa là voi và ngựa cũng không đi nổi.

6. Sông Cầu Chày: có tên là Chuý Giang dài 87 Km là con sông lòng hẹp, sâu, nước xiết, có người cho đó là "vết nứt địa chấn" xưa kia. Câu ca:

Sông Cầu Chày chó lội đứt đuôi

Ngựa lội đứt vó trôi xuôi vực Vàng.

7. Sông Âm: xuất phát từ xã Vân Am huyện Lang Chánh bầu trời âm u chột nắng, chột mưa. Sông Âm cũng là sông dữ, hai bờ vách đá dựng đứng thăm thẳm 1/4m, mùa mưa lũ dâng bất thường. Sông Âm gặp sông Chu ở xã Thọ Xương (Thọ Xuân). Sông dài 78 km, là đường thủy đưa lâm sản về xuôi.

Câu ca: Trai sông Cái, gái sông Đăn

Muốn gỡ nợ nần thì đi sông Âm

8. Sông Hép: sông nhỏ, chảy trong huyện Ngọc Lặc chia thành 9 nhánh đổ vào huyện Yên Định gọi là sông Cửa Bao (hay Cửa Bao).

DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HOÁ

1. Hang Bàn Bù, hang Sáng: di tích dấu quân của nghĩa quân Lam Sơn.

2. Thôn Lam Sơn xã Nguyệt Ấn, có di tích bãi tập của nghĩa quân Lam Sơn dưới chân núi Tật, bên bờ suối, rộng 6 ha.

3. Các địa danh thôn bản gắn với các bậc khai quốc công thần đời Lê:

Làng Như Áng xã Kiên Thọ: Lê Khoáng lập nghiệp mở ra cơ nghiệp nhà Lê.

Làng Mỹ Lâm, Thuý Cối: quê của Đinh Lễ, Đinh Bồng, Đinh Liệt.

Làng Tép, làng Dựng Tú: quê Lê Lai và các con Lê Lô, Lê Lộ, Lê Lâm.

Xã Vân Am: quê Phạm Văn Xảo.

Làng Ngọc Châu: quê Lê Hiểm. Có dấu tích gươm thần Lê Lợi ở làng Bông.

4. Hang Lộc Thịnh: thời chống Pháp, Chính phủ kháng chiến đặt ngân hàng tại hang này.

5. Đền Miếu:

Đền thờ Lê Thái Tổ: ở làng Như Áng, ở đây có Mả Khem và đền còn giữ được 15 đạo sắc.

Đền Tép xã Kiên Thọ: thờ Lê Lai.

CHỢ, PHỐ XÁ

Có hai phố lớn, có tiếng trong tỉnh:

1. Phố Cống: phố lớn ở miền núi, chợ trao đổi lâm sản và hàng hoá giữa miền xuôi và miền ngược. Xưa có nhiều người Hoa kinh doanh. Nay là thị trấn Ngọc Lặc đang trên đà phát triển.

2. Phố Châu: xưa là châu lỵ Ngọc Lặc.

3. Chợ Ngã Ba Si: Chợ Ngã Ba trao đổi trong vùng với các huyện Yên Định, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân.

SẢN VẬT

Đặc sản: quýt vôi - cam giấy - cam sành. Lúa nếp thơm.

Lâm sản: gỗ lát hoa, luồng.

Khoáng sản:

Mỏ sắt Cao Chính trữ lượng 600.000 tấn (lớn nhất tỉnh). Mỏ Phốt pho rít Cao Thịnh trữ lượng 76.000 tấn (lớn nhất tỉnh). Mỏ đá Grabô đồi Chan xã Minh Sơn: đang khai thác sản đá granit xuất khẩu.

Hiện nay là vùng mía đường, trồng mía cung cấp cho nhà máy đường Lam Sơn./.